UBND TỈNH NINH THUẬN **SỞ CÔNG THƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 117a/QĐ-SCT	*Ninh Thuận, ngày 08 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị thuộc Sở Công Thương

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 của Sở Công Thương về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị thuộc Sở Công Thương;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị thuộc Sở Công Thương. (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng sở, các Trưởng phòng chuyên môn thuộc sở và các đơn vị liên quan thuộc và trực thuộc căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh;
- Lưu: VT, VP Kto.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH NINH THUẬN

Võ Đình Vinh

Đơn vị: Sở Công Thương

Chương: 416

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-SCT ngày 08/11/2022 của Sở Công Thương)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó	
				Văn phòng Sở Công Thương	Trung tâm KC&XTTM
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**				
1	**Chi quản lý hành chính**	**-238,6111**	**-238,6111**	**-238,6111**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-238,6111	-238,6111	-238,6111	
	- Chi thường xuyên theo định mức	-214,75	-214,75	-214,75	
	- 10% tiết kiệm chi thường xuyên	-23,8611	-23,8611	-23,8611	
2	**Chi sự nghiệp kinh tế**	**238,6111**	**238,6111**		**238,6111**
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	- Chi thường xuyên theo định mức				
	- 10% tiết kiệm chi thường xuyên				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	238,6111	238,6111		238,6111
	- Chi thường xuyên theo định mức	214,75	214,75		214,75
	- 10% tiết kiệm chi thường xuyên	23,8611	23,8611		23,8611